

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VỊ THANH  
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 07 - 2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Thanh Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hà Văn S, sinh năm 1970.

Địa chỉ: khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ liên hệ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Nguyên đơn ông S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

*Nguyên đơn Hà Văn S trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị T có tổ chức đám cưới khoảng năm 1995, tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau từ năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi. Nay ông nhận thấy không thể tiếp tục hàn gắn cuộc hôn nhân này, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung, Hà Di K, sinh năm 1991; Hà Thị Thùy T1, sinh năm 1995, Hà T2, sinh năm 1996. Hiện nay, các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn Nguyễn Thị T:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho bà T. Nhưng bà T không đến Tòa án để có ý kiến trình bày.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn ông Hà Văn S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà T vắng mặt không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh phát biểu: Về tố tụng; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn S, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hà Văn S và bà Nguyễn Thị T. Về con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét; về tài sản chung, tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Hà Văn S khởi kiện bà Nguyễn Thị T địa chỉ khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; ông S yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T, căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án thụ lý và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Hà Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật tại Điều 238 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét, ông S và bà T đã tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới truyền thống vào khoảng năm 1995, không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự không ai cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Tòa án tiến hành trích lục sổ bộ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang và tại Công văn số 109/UBND ngày 17/6/2024 của Ủy ban nhân dân phường I, thành phố V xác định qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố V và phần mềm quản lý hộ tịch về kết hôn thì không có tên ông Hà Văn S và bà Nguyễn Thị T.

Như vậy, quan hệ hôn nhân của ông S và bà T được xác lập từ khoảng năm 1995 và tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân ông, bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không tiến hành đăng ký theo quy định. Nay có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không công nhận là vợ chồng, căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định.

[2.2] Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông S phải chịu 300.000 đồng, được chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000916 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hà Văn S và bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông S phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được chuyển 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000916 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND TP. Vị Thanh;
- Cơ quan THADS TP. Vị Thanh;
- UBND phường IV, Tp Vị Thanh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Phương**